

TÁM MƯƠI NĂM NGÀY TỔNG TUYỂN CỬ ĐẦU TIÊN VÀ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TS. ĐÀO LỘC BÌNH

Học viện Chính trị khu vực IV

Ngày tiếp nhận: 10/01/2026 Ngày bình duyệt: 15/01/2026 Ngày duyệt đăng: 30/01/2026

● **Tóm tắt:** Cách đây 80 năm, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên ngày 06/01/1946 đã đi vào lịch sử như một mốc son chói lọi, đánh dấu sự ra đời của Quốc hội và bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trên cơ sở làm rõ giá trị lịch sử về tính chính danh quyền lực, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và giá trị pháp lý về thiết chế dân chủ, kỹ thuật lập hiến, tư duy pháp quyền, bài viết vận dụng các giá trị này vào thực tiễn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

● **Từ khóa:** Tổng tuyển cử năm 1946, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Hiến pháp năm 1946, chính danh, lập hiến

Lịch sử lập hiến Việt Nam đã trải qua một chặng đường dài với nhiều biến động, song cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 vẫn luôn giữ vị trí “khởi nguyên” của thể chế dân chủ cộng hòa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà”¹. Sự kiện này không chỉ giải quyết yêu cầu cấp bách về tính chính danh của chính quyền cách mạng non trẻ trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, mà còn đặt nền móng vững chắc cho tư duy pháp quyền hiện đại.

1. Bối cảnh lịch sử và yêu cầu cấp bách về thiết lập tính chính danh quyền lực của Chính quyền Cách mạng

Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên diễn ra trong một bối cảnh lịch sử đặc biệt ở Việt Nam: một “khoảng trống quyền lực” đan xen với sự tranh chấp pháp lý gay gắt giữa quyền dân tộc

tự quyết và trật tự thuộc địa cũ. Bối cảnh này được cấu thành bởi ba áp lực chính trị - pháp lý to lớn đè nặng lên Chính phủ Lâm thời mới được thành lập sau Cách mạng tháng Tám.

Thứ nhất, áp lực ngoại xâm và yêu cầu cấp thiết về địa vị pháp lý quốc tế

Sau ngày 02/9/1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trên thực tế, nhưng xét về mặt pháp lý quốc tế, chính quyền cách mạng non trẻ chưa được bất kỳ quốc gia nào trong phe Đồng minh công nhận chính thức.

Hội nghị Potsdam (diễn ra từ 17/7/1945 đến 02/8/1945) đã quyết định việc giải giáp quân đội Nhật tại Đông Dương sẽ được chia làm hai khu vực, lấy vĩ tuyến 16 làm ranh giới. *Phía Bắc vĩ tuyến 16* giao cho quân đội Trung Hoa Dân Quốc (của Tưởng Giới Thạch) vào giải giáp; *Phía Nam vĩ tuyến 16* giao cho quân đội Anh vào giải giáp². Điều nguy hiểm đối với nước ta là trong tư duy của phe Đồng minh

lúc này, “Đông Dương thuộc Pháp” vẫn là một thực thể pháp lý chưa bị xóa bỏ. Ở miền Nam, ngày 23/9/1945, thực dân Pháp, dưới sự bảo trợ của Anh (được hơn một vạn quân Anh che chở và giúp sức)³ đã nổ súng tấn công quân ta, đánh dấu việc quay trở lại xâm lược nước ta với luận điệu tái lập trật tự thuộc địa, coi Chính phủ lâm thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhóm “nổi dậy”, “phiến loạn” bất hợp pháp. Ở miền Bắc, gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch kéo vào với danh nghĩa giải giáp quân Nhật⁴, nhưng mang theo âm mưu chính trị rõ rệt: “Diệt Cộng, cầm Hồ”. Họ không công nhận tính hợp pháp của Chính phủ Lâm thời, gây sức ép đòi giải tán chính quyền và thay thế bằng các đảng phái thân Tưởng.

Yêu cầu cấp thiết mang tính sống còn đặt ra lúc này không chỉ là quân sự, mà là bài toán về tính chính danh của chính quyền mới. Với tư duy của một nhà hoạt động chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rõ rằng: chỉ có một chính quyền được bầu lên bởi toàn dân, thông qua một quy trình phổ thông đầu phiếu, mới có đủ tư cách pháp lý để giao thiệp với quốc tế và vô hiệu hóa luận điệu của kẻ thù. Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trở thành một “cuộc đấu tranh pháp lý” để xác lập chủ quyền quốc gia.

Thứ hai, sự chống phá gay gắt của các đảng phái chính trị đối lập

Bối cảnh nội bộ nước ta giai đoạn cuối năm 1945 cực kỳ phức tạp với sự trỗi dậy và hoạt động mạnh của các đảng phái đối lập thân Tưởng, tiêu biểu là Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh hội (Việt Cách). Được quân Tưởng trực tiếp che chở, các tổ chức này ra sức tuyên truyền, xuyên tạc chống phá Chính phủ, chống phá cuộc Tổng tuyển cử. Luận điệu chủ yếu của phe đối lập đưa ra là: Chính phủ Lâm thời là “độc tài”, “cộng sản” và dân trí Việt Nam còn quá thấp để thực hiện dân chủ, do đó không nên bầu cử mà cần thành lập Chính phủ Liên hiệp ngay lập tức. Họ tiến hành các hoạt động khủng bố, bắt cóc ứng cử viên và tuyên truyền tẩy chay bầu cử hòng làm suy yếu cơ sở chính trị của Việt Minh.

Đứng trước tình thế này, Chính phủ Lâm thời đã thực hiện một sách lược nhân nhượng “có nguyên tắc” cực kỳ khôn khéo về mặt pháp lý. Đó là sự kiện ngày 24/12/1945, Chính phủ ký kết văn bản thỏa thuận với Việt Quốc, Việt Cách, chấp nhận mở rộng Quốc hội thêm 70 ghế không qua bầu cử cho đại biểu hai đảng này⁵. Hành động này mang ý nghĩa pháp lý sâu sắc: (1) thể hiện thiện chí hòa bình và đại đoàn kết, tước bỏ cái cớ “bị gạt ra rìa” của các đảng phái đối lập; (2) bảo vệ nguyên tắc tối thượng của cuộc Tổng tuyển cử: dù có nhượng bộ về số ghế, nhưng không nhượng bộ về phương thức xác lập quyền lực. Phần lớn đại biểu Quốc hội (263 đại biểu) vẫn phải do dân bầu. Tính chất dân chủ, đại diện của Quốc hội không bị biến chất.

Thứ ba, những khó khăn về kinh tế - xã hội

Một nền dân chủ pháp quyền không thể xây dựng trên nền tảng của sự đói nghèo, lạc hậu và mù chữ, nhưng lịch sử Việt Nam năm 1945 - 1946 đã chứng minh điều ngược lại. Bối cảnh kinh tế - xã hội lúc bấy giờ là rào cản, thách thức khổng lồ cho một cuộc bỏ phiếu phổ thông:

Một là, nạn đói và kiệt quệ tài chính. Nạn đói năm 1945 ở miền Bắc do Nhật, Pháp gây ra chưa được khắc phục. Ngân khố quốc gia trống rỗng (chỉ có khoảng 1,25 triệu đồng Đông Dương, trong đó quá nửa là tiền rách), Ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản Pháp⁶. Tổ chức một cuộc bầu cử quy mô toàn quốc cần nguồn lực tài chính và hậu cần mà Chính phủ lâm thời lúc này gần như không có.

Hai là, nạn mù chữ. 95% dân số không biết đọc, không biết viết chữ quốc ngữ⁷. Theo các học thuyết chính trị, pháp lý phương Tây thời đó, đây là điều kiện “bất khả thi” để thực hành dân chủ đại diện. Người dân sẽ không thể sáng suốt lựa chọn người tài đức khi không đọc được tên họ trên lá phiếu.

Trong bối cảnh lịch sử trên, tính chính danh của Chính quyền cách mạng Việt Nam trở thành vấn đề sống còn. Chính phủ Lâm thời lúc bấy giờ dù được nhân dân ủng hộ nhưng về mặt pháp lý quốc tế vẫn chưa được xác lập

qua một quy trình dân chủ phổ quát. Vì vậy, chỉ một ngày sau khi đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ Lâm thời (03/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề xuất tổ chức Tổng tuyển cử càng sớm càng tốt. Với kinh nghiệm chính trị nhạy bén, tư duy pháp lý sắc sảo, Người đã nhận định: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc **TỔNG TUYỂN CỬ** với chế độ phổ thông đầu phiếu”⁸. Các Sắc lệnh số 14-SL (ngày 08/9/1945), Sắc lệnh số 39-SL (ngày 26/9/1945) và Sắc lệnh số 51-SL (17/10/1945) đã nhanh chóng thể chế hóa quyết tâm này, tạo hành lang pháp lý cho cuộc bầu cử diễn ra.

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 không diễn ra trong điều kiện hòa bình, mà được tiến hành trong bối cảnh “tình thế khẩn cấp - chiến tranh”. Việc kiên quyết tổ chức Tổng tuyển cử bất chấp ba áp lực kể trên (ngoại xâm, nội phản, đói nghèo) là một quyết định chính trị táo bạo, dựa trên niềm tin tuyệt đối vào tính pháp lý của quyền lực nhân dân. Đó là minh chứng hùng hồn cho tư tưởng: pháp quyền không phải là đặc quyền của các quốc gia phát triển, mà là vũ khí bảo vệ nền độc lập của các dân tộc bị áp bức⁹.

3. Giá trị lịch sử của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên

Trong lịch sử lập hiến và kiến tạo nhà nước hiện đại, cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 không thuần túy là cuộc bầu cử Quốc hội mà đây là sự kiện chính trị - pháp lý mang ba giá trị lịch sử có tính nền tảng, đánh dấu bước ngoặt định hình diện mạo của Nhà nước Việt Nam dân chủ, hiện đại.

Thứ nhất, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên làm thay đổi vị thế con người từ địa vị “thần dân” sang “công dân” kiến tạo quyền lực nhà nước

Giá trị lịch sử sâu sắc nhất của cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 nằm ở sự chuyển đổi về chất trong mối quan hệ giữa người dân và

nhà nước. Suốt hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến, người dân Việt Nam mang thân phận “thần dân”, thụ động chấp nhận quyền lực của nhà vua theo thuyết “Thiên mệnh”. Dưới thời thuộc Pháp, thân phận đó bị hạ thấp thành “vong quốc nô - nô lệ”, chịu sự cai trị của ngoại bang mà không có quyền tham gia vào các quyết sách chính trị. Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 đã thực hiện một cuộc lật đổ ngoạn mục về tư duy chính trị và vị thế của người dân Việt Nam ở hai khía cạnh sau:

Một là, xác lập quyền chủ thể. Lần đầu tiên, người nông dân, người thợ thuyền, phụ nữ và các dân tộc thiểu số được trao quyền “cầm lá phiếu” bầu cử. Hành động bỏ phiếu bầu cử này là nghi thức chính trị thiêng liêng xác nhận họ chính thức trở thành “công dân” - những chủ thể nắm giữ quyền lực gốc của quốc gia.

Hai là, hiện thực hóa “Khế ước xã hội”. Cuộc bầu cử là minh chứng sống động cho lý thuyết về “Khế ước xã hội” của J.J. Rousseau ngay trên đất nước Việt Nam vừa thoát khỏi ách thực dân. Bằng lá phiếu của mình, người dân đã tự nguyện ủy quyền cho nhà nước quản lý xã hội. Điều này thay đổi hoàn toàn bản chất nhà nước: từ một công cụ cai trị áp đặt từ bên trên, trở thành một công cụ phục vụ được ủy nhiệm từ bên dưới.

Sự kiện này đã kích hoạt làn sóng “giác ngộ chính trị” chưa từng có trong lịch sử Việt Nam. Việc hàng triệu người dân, kể cả những người già yếu, bệnh tật, kiên quyết đi bầu cử bất chấp bom đạn của thực dân Pháp (đặc biệt ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ) cho thấy ý thức công dân đã trỗi dậy mạnh mẽ, trở thành động lực tinh thần to lớn cho cuộc kháng chiến vệ quốc sau này.

Thứ hai, thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 thể hiện chiến thắng của “vũ khí pháp lý” trong cuộc đấu tranh ngoại giao

Trong bối cảnh thù trong giặc ngoài thời điểm năm 1945 - 1946, cuộc Tổng tuyển cử mang giá trị lịch sử của một cuộc đấu tranh ngoại giao sắc bén, sử dụng “quyền lực mềm” - vũ khí pháp lý để bảo vệ nền độc lập. Chiến thắng này thể hiện ở hai phương diện:

Một là, phá vỡ tính chính danh của thực dân Pháp ở Việt Nam. Luận điệu xuyên suốt của Pháp khi quay lại Đông Dương là “khai hóa văn minh” và “lập lại trật tự”, coi Chính phủ Hồ Chí Minh là phiến quân. Cuộc Tổng tuyển cử với sự tham gia bỏ phiếu của 89% cử tri cả nước¹⁰ là đòn phản công pháp lý đanh thép. Điều này tuyên bố với thế giới rằng: Việt Nam đã có một chính quyền chính danh, hợp pháp, do nhân dân lập nên. Do đó, bất kỳ hành động quân sự nào của Pháp chống lại chính quyền này đều là hành động xâm lược đối với một quốc gia có chủ quyền, chứ không phải là hành động “bình định” nội bộ đối với thuộc địa của chúng.

Hai là, vượt lên trên các đảng phái đối lập. Trước áp lực của quân Tưởng và các đảng phái Việt Quốc, Việt Cách đòi giải tán Chính phủ Lâm thời, việc tổ chức thành công Tổng tuyển cử đã đặt các lực lượng này vào thế “việt vị” - mất lợi thế chính trị. Kết quả bầu cử cho thấy uy tín tuyệt đối của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Mặt trận Việt Minh. Mặc dù, trong Quốc hội có 70 ghế cho phái đối lập không qua bầu cử (theo thoả thuận trước cuộc bầu cử đạt được ngày 24/12/1945) thể hiện chủ trương của Việt Minh về hòa hợp dân tộc, tập trung lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhưng kết quả vượt trội về số phiếu của các đại biểu Việt Minh và các nhân sĩ yêu nước đã khẳng định: quyền lãnh đạo đất nước thuộc về những người thực sự đại diện cho ý chí và nguyện vọng nhân dân, chứ không phải những kẻ dựa ngoại bang.

Thứ ba, biểu tượng mẫu mực của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Giá trị lịch sử của cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 còn nằm ở tính “bao trùm” trong cơ cấu nhân sự Quốc hội khóa I. Khác với các nghị viện tư sản phương Tây đương thời thường bị chi phối bởi giới tư sản thượng lưu hoặc các nhóm lợi ích, Quốc hội khóa I là hình ảnh thu nhỏ của toàn thể dân tộc Việt Nam. Danh sách 333 đại biểu trúng cử Quốc hội khóa I là một bức tranh đa sắc tộc, đa tôn giáo và đa giai

cấp, gồm: 3,003% đại biểu nữ, 10,21% đại biểu dân tộc thiểu số, 87% là công nhân, nông dân, chiến sĩ cách mạng¹¹. Trong đó, (1) về thành phần giai cấp, Quốc hội khóa I có 61% trí thức, 0,6% công kỹ nghệ gia, 0,5% buôn bán, 0,6% thợ thuyền, 22% nông dân, 43% là người không đảng phái, 36% là thuộc Mặt trận Việt Minh¹²; (2) về thành phần tôn giáo, Quốc hội khóa I có đại biểu đại diện của các tôn giáo chính ở Việt Nam lúc đó gồm Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, v.v...; (3) về thành phần dân tộc, các đại biểu người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ nhất định, khẳng định vị thế bình đẳng giữa các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam.

Việc nhân dân bầu chọn cả những người từng làm quan cho chế độ cũ nhưng có tài, đức và lòng yêu nước (cụ Bùi Bằng Đoàn) cho thấy sự trưởng thành trong tư duy chính trị của người dân và chính sách đại đoàn kết rộng mở của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là sự xóa bỏ mâu thuẫn giai cấp, dân tộc, tôn giáo và các định kiến quá khứ, tạo nên sức mạnh nội sinh giúp Việt Nam đạt được mục tiêu Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Thứ tư, vị thế tiên phong trong phong trào giải phóng dân tộc

Đặt trong bối cảnh lịch sử thế giới nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng giai đoạn sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên ở Việt Nam mang giá trị tiên phong, là tấm gương cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Điều này thể hiện trên hai phương diện sau: (1) Việt Nam là nước đầu tiên ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai thiết lập được một nền cộng hòa dân chủ thông qua phổ thông đầu phiếu (trước cả Philippines - độc lập năm 1946, Indonesia - độc lập năm 1945 nhưng đến năm 1955 mới tổng tuyển cử); (2) sự kiện này đã cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, chứng minh luận điểm: một dân tộc nghèo nàn, lạc hậu thuộc địa hoàn toàn có khả năng tự tổ chức nhà nước theo mô hình dân chủ, tiến bộ của nhân loại.

Giá trị lịch sử của cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 không bị giới hạn trong khung thời gian 80 năm, mà còn thiết lập những “giá trị” bền vững cho chế độ mới đó là: tính chính danh, tính dân chủ, tính đoàn kết và tính hợp hiến, hợp pháp. Những giá trị này đã trở thành bệ đỡ, nền tảng vững chắc để Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đứng vững và vượt qua mọi biến cố lịch sử.

4. Giá trị pháp lý của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên

Giá trị pháp lý của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên xác lập nền tảng pháp lý cho Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện đại. Sự kiện này đã kích hoạt một quy trình chuyển hóa từ quyền lực thực tế của cuộc Cách mạng (khởi nghĩa giành chính quyền) sang quyền lực pháp lý của một nhà nước hợp hiến, hợp pháp. Dưới góc độ khoa học pháp lý, sự kiện này để lại bốn giá trị cốt lõi sau:

Thứ nhất, khởi tạo quyền lập hiến và tư duy thượng tôn Hiến pháp, pháp luật

Cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 là hành vi pháp lý đầu tiên và quan trọng nhất để nhân dân Việt Nam thực hiện *quyền lập hiến* của mình. Trước năm 1946, khái niệm “Hiến pháp” (Constitution) hoàn toàn xa lạ trong thiết chế phong kiến Việt Nam, nơi “lời vua là luật”. Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu tổ chức Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội và sau đó tiến hành soạn thảo và thông qua Hiến pháp, đã đánh dấu sự tiếp thu và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Chủ nghĩa Hiến pháp (Constitutionalism) phương Tây vào điều kiện thực tiễn Việt Nam.

Tính hợp hiến là nguồn gốc của tính hợp pháp, vì thế Chính phủ chỉ có quyền điều hành đất nước thực chất khi được thành lập và trao quyền bởi một bản Hiến pháp do đại diện nhân dân soạn thảo. Tư duy này đã đi trước thời đại, thay thế mô hình “cai trị bằng quyền uy” bởi “cai trị bằng pháp luật” và thiết lập nền “pháp quyền”. Quốc hội khóa I - sản phẩm trực tiếp của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, không đơn

thuần là một cơ quan nghị sự mà là *Quốc hội Lập hiến*. Sự ra đời của Hiến pháp năm 1946 là kết quả pháp lý trực tiếp, biến những cam kết chính trị của Việt Minh thành các quy phạm pháp luật có giá trị cưỡng chế và bảo đảm thực hiện cao nhất.

Thứ hai, thiết lập nguyên tắc bầu cử mang tính phổ quát, tiến bộ

Các Sắc lệnh số 14-SL (ngày 08/9/1945), 39-SL (ngày 26/9/1945), 51-SL (ngày 17/10/1945), v.v.. đã quy định rõ ràng về tiêu chuẩn, điều kiện bầu cử, ứng cử; thời gian bầu cử; quyền bầu cử và ứng cử; vận động tuyển cử; đơn vị tuyển cử; danh sách ứng cử; danh sách bầu cử; tổ chức bầu cử; điểm phiếu và kiểm soát phiếu; kiểm soát cuộc bầu cử; khiếu nại; ấn định số lượng đại biểu cho từng địa phương; v.v.. Đặc biệt, các sắc lệnh này đã trao quyền cho phụ nữ Việt Nam tham gia bầu cử, ứng cử sớm hơn nhiều quốc gia phương Tây (Pháp cho phụ nữ bầu cử từ năm 1945, Thụy Sĩ đến tận năm 1971). Đây là một cuộc cách mạng pháp lý về quyền bình đẳng giới.

Trong bối cảnh dân trí thấp, việc quy định nguyên tắc “Bỏ phiếu kín” là một thách thức. Tuy nhiên, Sắc lệnh 51-SL đã thể hiện sự linh hoạt tuyệt vời khi cho phép người không biết chữ được nhờ người viết hộ, nhưng người viết hộ phải tuyên thệ giữ bí mật¹³. Điều này cân bằng giữa nguyên tắc pháp lý cứng (giữ bí mật) và điều kiện thực tế (mù chữ), đảm bảo quyền bầu cử không bị tước đoạt bởi rào cản giáo dục.

Thứ ba, đặt nền móng pháp lý cho việc kiểm soát quyền lực nhà nước

Cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 là tiền đề để thiết lập một mô hình tổ chức bộ máy nhà nước độc đáo trong lịch sử lập pháp Việt Nam. Trong đó: (1) Nghị viện nhân dân (Quốc hội) được xác định là cơ quan có quyền cao nhất; (2) Chủ tịch nước có vị thế pháp lý đặc biệt, do Quốc hội bầu, vừa đứng đầu đất nước vừa đứng đầu chính phủ, không phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội (trừ khi phạm tội phản quốc); (3) Chính phủ gồm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước và nội các do Thủ tướng đứng đầu,

phải chịu trách nhiệm trước Quốc hội, có thể bị Quốc hội bỏ phiếu bất tín nhiệm nội các¹⁴. Đây là đặc trưng của chế độ Đại nghị trong mô hình chính thể Cộng hòa hỗn hợp; (4) trong khi xét xử, “các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp”¹⁵. Đây là nguyên tắc cơ bản của nền tư pháp công bằng, liêm chính, thể hiện được giá trị pháp lý tiến bộ, mang hơi thở của Nhà nước pháp quyền hiện đại.

Thứ tư, đặt nền móng cho bảo đảm quyền con người, quyền công dân

Cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 không chỉ đặt nền móng cho xây dựng Nhà nước dân chủ, pháp quyền Việt Nam, mà lần đầu tiên xác lập địa vị pháp lý của công dân. Đây là sự chuyển hóa quyền con người từ “quyền tự nhiên” (natural rights) sang “quyền pháp định” (legal rights). Nhà nước được thành lập từ cuộc Tổng tuyển cử này có nghĩa vụ pháp lý phải thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và hiện thực hóa các quyền này, chứ không phải ban phát chúng. Cho nên, ngay sau Quốc hội khóa I được thành lập, Hiến pháp năm 1946 ra đời có nhiệm vụ hiến định các quyền cơ bản của công dân, gồm: quyền bình đẳng trước pháp luật; quyền bình đẳng nam, nữ; quyền tham gia chính quyền; quyền tự do ngôn luận, xuất bản, tổ chức và hội họp, tín ngưỡng, cư trú, đi lại; quyền của người già, trẻ em, người cao tuổi, dân tộc thiểu số; quyền học tập; quyền bảo đảm thân thể, nhà ở và thư tín; v.v..

Thứ năm, bảo đảm tính pháp quyền trong điều kiện khẩn cấp

Một giá trị pháp lý thường ít được nhắc đến nhưng cực kỳ quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 là việc duy trì tính pháp lý trong hoàn cảnh chiến tranh. Thông thường, khi có chiến tranh, các quốc gia ban bố lệnh thiết quân luật, hoãn bầu cử hoặc đình chỉ hiến pháp. Nhưng Chính phủ Lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo đã làm ngược lại: càng khó khăn càng phải dựa vào pháp luật và quy trình dân chủ. Việc kiên quyết tổ chức bầu cử

đúng luật, tổ chức họp Quốc hội đúng kỳ hạn (dù trong điều kiện cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra ác liệt ở Nam Bộ) và duy trì hoạt động của hệ thống Tòa án trong kháng chiến đã tạo nên mô hình “pháp quyền thời chiến”. Điều này chứng minh rằng: pháp luật không chỉ là công cụ quản lý trong thời bình, mà còn là vũ khí chính trị trong thời chiến. Sự tuân thủ quy trình pháp lý (due process) của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên đã tạo ra nguyên tắc: không có ngoại lệ cho sự tùy tiện quyền lực nhà nước, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 mang những giá trị pháp lý vượt thời gian, đặt những “viên gạch pháp lý” đầu tiên xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. Sự kế thừa và phát triển trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

Trải qua 80 năm, thành công của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên vẫn còn nguyên giá trị trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bầu cử theo hướng sau: (1) tăng cường tính tranh cử, trong đó pháp luật bầu cử hiện nay cần có cơ chế khuyến khích các ứng viên tự do có năng lực tự ứng cử, đồng thời quy định rõ trách nhiệm giải trình chương trình hành động của ứng viên trước cử tri; tăng cường tranh luận giữa các ứng viên để cử tri có cơ sở lựa chọn “người tài đức”; (2) mở rộng dân chủ trực tiếp. Nghiên cứu áp dụng thí điểm hình thức nhân dân bầu trực tiếp người đứng đầu cơ quan hành chính ở cấp cơ sở (chủ tịch xã, phường) ở những nơi đủ điều kiện.

Thứ hai, hoàn thiện chính sách, pháp luật theo hướng lấy “con người là trung tâm”. Từ duy lập hiến, lập pháp hiện đại là việc đặt con người, quyền con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển. Vì thế, Quốc hội, Chính phủ tiếp tục rà soát hệ thống pháp luật hiện hành để loại bỏ các rào cản hành chính làm hạn chế quyền con người, đảm bảo các quyền hiến định không bị “treo” bởi các văn bản dưới luật.

Thứ ba, thực hiện thực chất trách nhiệm giải trình trong các cấp chính quyền nhằm kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước. Từ giá trị của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên và Hiến pháp năm 1946, Quốc hội cần tiếp tục đổi mới hoạt động chất vấn và lấy phiếu tín nhiệm mang tính thực chất, tránh nể nang, né tránh. Kết quả lấy phiếu tín nhiệm phải thực sự là căn cứ để xem xét chức vụ của người giữ chức danh do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Ngoài ra, Quốc hội, Chính phủ tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật để tăng cường vai trò giám sát của xã hội, đặc biệt cần hoàn thiện cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, cùng với báo chí, thực hiện quyền giám sát và phản biện xã hội một cách minh bạch, hiệu quả hơn.

Thứ tư, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động bầu cử. Kinh nghiệm từ cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 đã để lại bài học về nghệ thuật lãnh đạo của Đảng đối với công tác bầu cử: lãnh đạo bằng đường lối chính trị đúng đắn và uy tín từ sự nêu gương của đảng viên. Vì thế, trước thềm của bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI, cấp ủy và chính quyền các cấp cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với bầu cử không chỉ là giới thiệu nhân sự, mà quan trọng hơn là định hướng chính trị, tạo lập môi trường dân chủ thực chất để nhân dân lựa chọn người tài đức, qua đó củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng.

Thứ năm, xây dựng văn hóa pháp lý và củng cố lòng tin của nhân dân. Một trong những bài học lớn nhất từ cuộc Tổng tuyển cử 80 năm trước là “lòng tin” của nhân dân vào Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ Lâm thời. Vì thế, để thành công trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay, cần: (1) xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức “Cần, Kiệm, Liêm, Chính”, “Chí công vô tư”. Đây là cơ sở xây dựng, củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; (2) bảo đảm pháp luật đồng bộ, toàn diện, hợp hiến, hợp pháp, hợp lý, dễ tiếp cận, công bằng, minh bạch, được thực hiện nghiêm minh, tự giác, nhất quán, “thượng tôn Hiến pháp và pháp luật”¹⁶.

Tầm vóc vĩ đại của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên đã được khẳng định trong 80 năm qua. Cuộc Tổng tuyển cử này không chỉ là một giải pháp chính trị cấp thiết lúc bấy giờ mà còn là một “cuộc kiến tạo vĩ đại” về mô hình Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện đại với những giá trị cốt lõi: tính chính danh từ nhân dân, thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và sự kiểm soát quyền lực. Những giá trị lịch sử và pháp lý của cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 tiếp tục được vận dụng, phát huy trong công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. ■

^{1,8} Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.4, tr.153, 7.

^{2,6,7} Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các Bộ môn khoa học Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2004): *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.119, 121, 121.

^{3,4} Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1999): *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, t.1, tr.139, 132.

⁵ Văn phòng Quốc hội (2005): *60 năm Quốc hội Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.30.

⁹ Vũ Đình Hòe (2008): *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.732 - 738.

¹⁰ Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946-1960) - Tập 1, Cuộc tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (6-1-1946)*, <https://quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=3756>, truy cập ngày 27/12/2025.

¹¹ Quốc hội: *Quốc hội Khóa I (1946 - 1960)*, <https://quochoi.vn/tulieuquochoi/tulieu/quochoicackhoa/Pages/khoamot.aspx?ItemID=23998>, truy cập ngày 27/12/2025.

¹² Báo Nhân Dân điện tử (2026): *Bài 1: Chế độ bầu cử, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội giai đoạn 1946-1960*, <https://nhandan.vn/special/Hoat-dong-Quochoi-giaidoan-1946-1960/index.html#>, truy cập ngày 05/01/2026.

¹³ Điều thứ 36, 37, Sắc lệnh số 51-SL ngày 17/10/1945 của Chủ tịch Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

¹⁴ Điều thứ 44, 45, 46, 47, Hiến pháp năm 1946.

¹⁵ Điều thứ 69, Hiến pháp năm 1946.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2022): *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghe-quyet-so-27-nqtw-ngay-09112022-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-tiep-tuc-xay-dung-va-9016>, truy cập ngày 27/12/2025.